TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 21/06/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Phan Văn Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh ngày 13/01/1999 (Tên gọi khác: N).

Trú tại: Thôn 4, V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 và bà Màn Thị P (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ kể từ ngày 25/02/2018 chuyển tạm giam từ ngày 26/02/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Bị cáo có mặt.

Người bị hại: Vợ chồng anh Phạm Văn H, sinh năm 1969 chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1991. Trú tại: Thôn 4 - V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Nguyễn Văn A, sinh năm 2001. Trú tại: Thôn 2- V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đỗ Xuân Y, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Phạm Văn N, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Phạm Thanh T, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Lê Tuấn N, sinh năm 1984. Trú tại: Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tất cả người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 19/08/2017, Nguyễn Văn S đi bộ từ nhà đến quán Internet của anh Phạm Văn N ở thôn T, xã V chơi. Khi S đi ra phía sau quán của anh N đi vệ sinh thì nhìn thấy cửa nhà anh Phạm Văn H (gần nhà anh N) đang mở nên Nguyễn Văn S đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh H để trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn S trèo qua bờ tường rồi đi bộ vào trong nhà anh H theo lối cửa hông. Khi đi vào buồng ngủ, Nguyễn Văn S nhìn thấy 01 két sắt màu xanh, bên trên két sắt có để 01 chùm chìa khóa. Nguyễn Văn S đi đến lấy chìa khóa mở két sắt và thấy số tiền 8.500.000 đồng ở trong két sắt đã lấy và cất giấu toàn bộ số tiền 8.500.000 đồng vào túi quần rồi lại trèo qua bờ tường đi ra quán của anh N. Sau đó Nguyễn Văn S bắt xe Bus lên quán Internet N ở thị trấn N để chơi game quá trình chơi game đã nạp thẻ game hết 500.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, anh Phạm Văn H vào nhà kiểm tra thì phát hiện số tiền 8.500.000 đồng để trong két sắt đã bị kẻ gian trộm cắp. Anh H được anh Đỗ Xuân Y nhà bên cạnh nhà anh H cho biết anh Y vừa nhìn thấy Nguyễn Văn S chạy từ sau nhà anh H đi ra. Nghi ngờ Nguyễn Văn S là người đã lấy số tiền của gia đình nên anh H nhờ anh Phạm Thanh T ở thôn T, xã V và anh Nguyễn Văn A ở thôn V, xã T đi tìm S. Sau đó anh T điều khiển xe mô tô chở anh A đi lên thị trấn N thì thấy S đang chơi game ở quán N, anh T và anh A đã yêu cầu S về nhà anh H để nói chuyện. Anh T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn S ngồi giữa, anh A ngồi sau đi về nhà anh H. Khi về cách nhà anh H khoảng 50m biết hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện S đã lấy số tiền 8.000.000 đồng còn lại vừa trộm cắp được của anh H từ trong túi quần vứt ra đường Quốc lộ 12B. Lúc này anh A nhìn thấy và bảo anh T *"Nó vứt tiền ra đường đấy"*, anh T đưa S về nhà anh H rồi điều khiển xe quay lại chỗ S vứt tiền thì nhặt lại

được 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) và đã mang về anh H, sau đó anh H gọi điện trình báo Công an xã V .

Tại gia đình nhà anh H, Công an xã V đã thu giữ số tiền 2.000.000 đồng do anh T nhặt được. Thu giữ số tiền 300.000 đồng do Nguyễn Văn S giao nộp.

Sau khi phạm tội Nguyễn Văn S đã bỏ trốn lên thành phố H. Ngày 06/09/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn S. Đến ngày 25/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã bắt được Nguyễn Văn S tại xã T, huyện N.

Về phần dân sự: Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng của vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị L. Quá trình điều tra đã thu giữ được số tiền 2.300.000 đồng đã trả lại cho anh H chị L.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSNQ- HS ngày 07 tháng 05 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản"; theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 138 ; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 Diều 42 Bộ lật hình sự năm 1999. Xử phạt Nguyễn Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2018.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 8.500.000 đồng. Đã thu hồi 2.300.000 đồng còn phải bồi thường 6.200.000 đồng.

Về án phí hình sự và dân sự bị cáo phải nộp theo pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với biên bản vụ việc, các bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 19/08/2017, Nguyễn Văn S đã đột nhập vào nhà anh Phạm Văn H ở thôn T, xã V để trộm cắp số tiền 8.500.000 đồng của gia đình anh H để ở trong két sắt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; theo quy định của pháp luật hình sự thấy: Hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt tài sản nhưng khi về địa phương sinh sống, bị cáo không chịu tu trí làm ăn lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng mặc dù trước đây vào ngày 25 tháng 11 năm 2016 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội 'trộm cắp tài sản" Nhưng lúc đó bị cáo chưa đủ 16 tuổi. Theo quy định của Bộ luật tố tụng năm 2015 mặc dù bị cáo phạm tội mới nhưng bị cáo vẫn được coi là người không có tiền án.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và phiên tòa thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi một phần trả lại cho người bị hại; Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, vì vậy bị cáo được giảm một phần về hình phạt

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định của Pháp luật hình sự về hành vi "Trộm cắp tài sản" mà bị cáo S đã thực hiện thì tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ năm trăm ngàn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm ngàn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc dã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Nhưng kể từ ngày 01/07/2016 các quy định có lợi cho người bị buộc tội của Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành thì hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

a (Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm ……)

Từ những quy định về mức hình phạt của 02 Bộ luật hình sự năm 1999 và năm 2015: Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam quy định một hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm c, khoản 1, điều 138 Bộ luật hình sự 1999 để áp dụng hình phạt có lợi cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Từ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng của vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị L. Cơ quan điều tra đã thu giữ được số tiền 2.300.000 đồng đã trả lại cho vợ chồng anh H, chị L. Số tiền còn lại là 6.200.000 Nguyễn Văn S chưa bồi

thường cho Anh H, chị L vì vậy Nguyễn Văn S phải bồi thường tiếp số tiền 6.200.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự; Bị cáo phải nộp theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác N) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS1999; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 25/02/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 357; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường 6.200.000 đồng cho vợ chồng anh Phạm Văn H và chị Nguyễn Thị L.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng các Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 310.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Hà Minh Lực